

HỘI NGHỊ SẢN PHỤ KHOA VIỆT-PHÁP

**“NGHIÊN CỨU TỶ LỆ VÀ ĐỐI CHIẾU CHẨN
ĐOÁN DỊ TẬT THẬN-NIỆU QUẢN TRƯỚC VÀ SAU
SINH TẠI BỆNH VIỆN PHỤ SẢN TRUNG ƯƠNG”**

Nhóm nghiên cứu

PGS.TS. TRẦN NGỌC BÍCH

THS.BS. TRẦN ĐỨC TÚ

ĐẶT VẤN ĐỀ

- Các dị tật thận-tiết niệu (DTTTN) trẻ em nói chung và thận-niệu quản nói riêng chiếm một phần quan trọng trong ngành thận học nhi khoa
- Trần Đình Long và cs năm 2005, nghiên cứu DTTTN ở 6037 trẻ mới đẻ thì có 0,98%
- Trần Ngọc Bích và cs (2013): Tỷ lệ dị tật thận tiết niệu là 11,5% trong các loại dị tật

- F.Boussion (2011) bất thường hệ tiết niệu chiếm 20-30% trong số các dị tật bẩm sinh đứng thứ 2 sau bất thường hệ thần kinh trung ương và 80% trong số đó được chẩn đoán trước sinh
- Siêu âm trước sinh và chẩn đoán sớm sau sinh giúp điều trị kịp thời, tránh được các biến chứng và tử vong

MỤC TIÊU

- 1.Xác định tỷ lệ các loại dị tật thận-niệu quản bẩm sinh tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương***
- 2.Đối chiếu chẩn đoán dị tật thận-niệu quản trước và sau sinh***

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

➤ **Đối tượng**

- Tất cả các BN sơ sinh có chẩn đoán trước sinh dị tật thận-niệu quản được sinh ra tại BVPSTW từ 1/2014 đến 7/2015.

○ ***Tiêu chuẩn chọn***

- Tất cả các BN được sinh ra tại BVPSTW có chẩn đoán trước sinh bất thường thận – niệu quản.

○ ***Tiêu chuẩn loại trừ***

- BN tử vong trong vòng 24 giờ đầu.

➤ ***Thiết kế nghiên cứu***

- Phương pháp mô tả tiến cứu có theo dõi
- Cỡ mẫu thuận tiện.

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

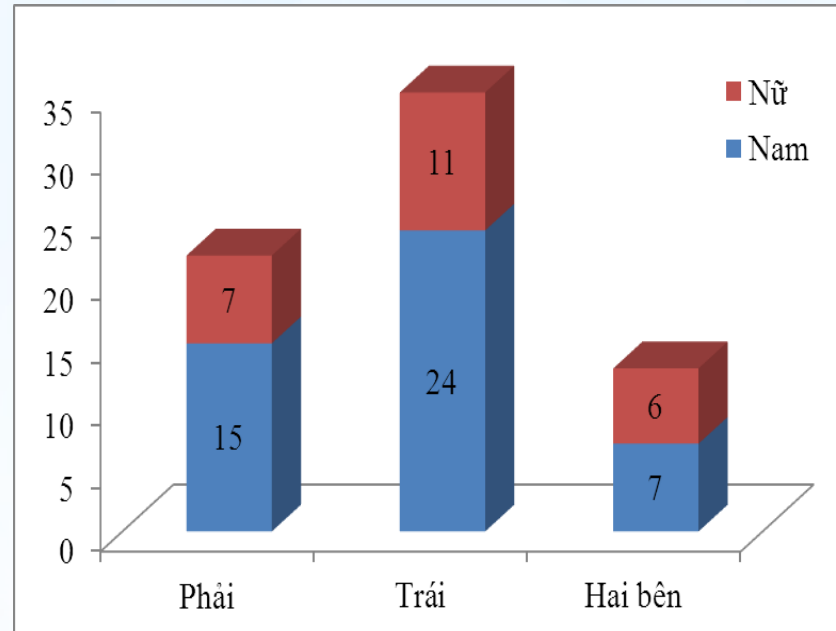
76 BN tổng cộng có 100 số lượng dị tật được chẩn đoán trước sinh có dị tật thận-niệu quản

Sau sinh, có 70 BN tổng cộng 87 số lượng dị tật được chẩn đoán có dị tật bẩm sinh thận-niệu quản

➤ Tỷ lệ dị tật thận-niệu quản

- Tỷ lệ dị tật thận-niệu quản so với trẻ được sinh ra tại BVPSTW là 70/35351 (0,2%)
- Trong đó dị tật thận-niệu quản trẻ trai 46/19166 (0,24%) và trẻ gái là 24/16185 (0,15%).

Giới tính-vị trí bên dị tật thận-niệu quản



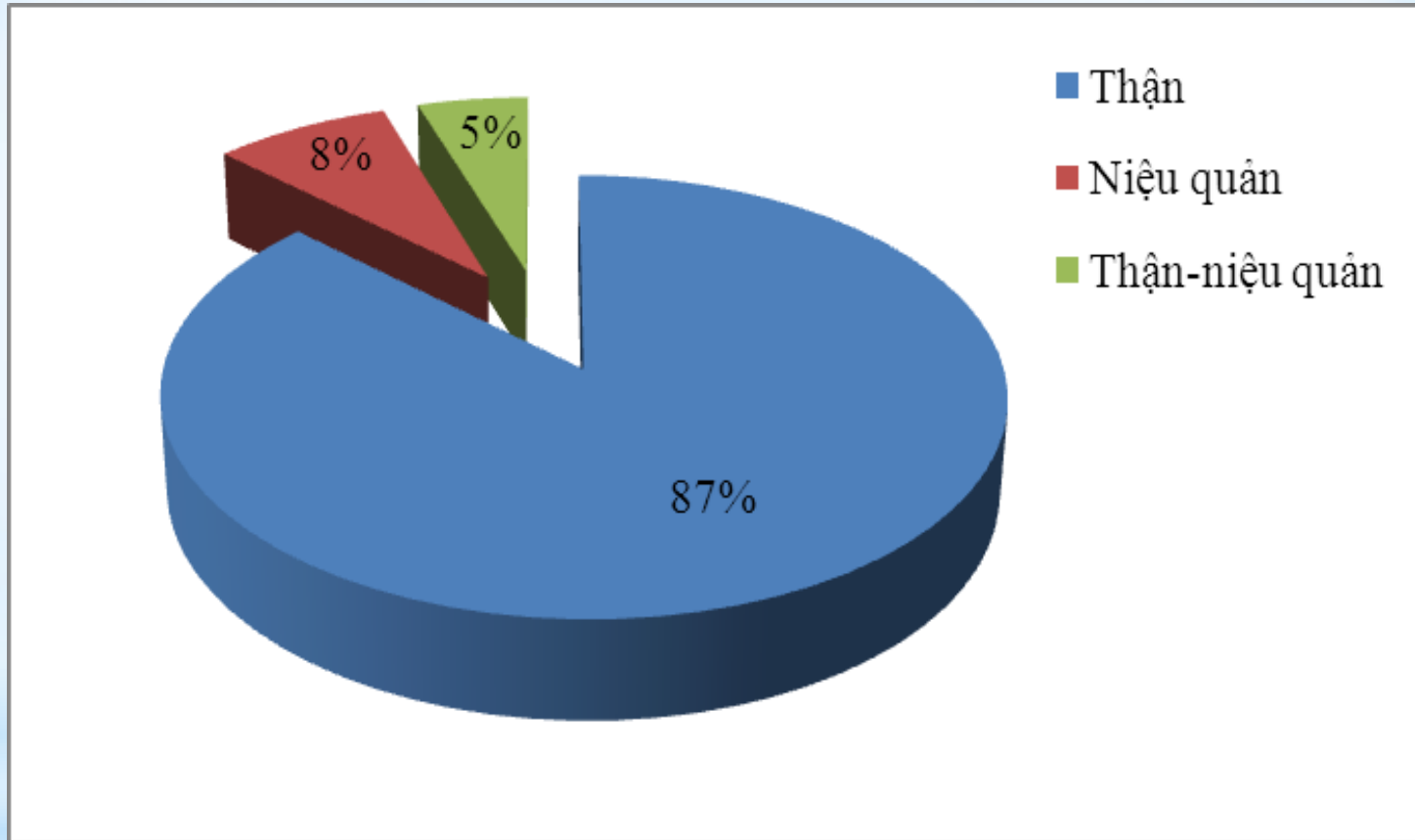
- Tỷ lệ dị tật thận-niệu quản trẻ trai/gái là 1,92/1.
- Dị tật thận-niệu quản trái/phải là 1,59/1.
- Dị tật hai bên 18,57%.

Halek J và CS (2010) nam/nữ 1,6/1, Dias T và CS (2014) nam/nữ 2/1
Di Renzo (2013) trái/phải là 1,7/1

Phân bố theo tuổi thai lúc sinh

Tuổi thai	N	Tỉ lệ %
Đẻ non (<37tuần)	5	6,6%
Đủ tháng (37 đến 42 tuần)	71	93,4%

Có 71 bệnh nhi sinh đủ tháng chiếm 93,4%, 5 bệnh nhi sinh non tháng chiếm 6,6%.



Phân bố dị tật thận-niệu quản được chẩn trước sinh bằng siêu âm.

Phân bố các dị tật thận - niệu quản được chẩn đoán trước sinh bằng siêu âm thai

Các dị tật	n	%
Ứ nước bể thận	65	65%
Nang thận	11	11%
Loạn sản thận	7	7%
Thận niệu quản đôi	5	5%
Túi sa niệu quản	4	4%
Phình to niệu quản	4	4%
Bất sản 1 thận	4	4%
Tổng	100	100%

- Nguyễn Việt Hoa và Trần Ngọc Bích (2013) ứ nước thận 64,1%, nang thận 11,54%, phình to niệu quản 10,26%
- Eduardo A.O và cs (2000) ứ nước thận 61%

Triệu chứng lâm sàng

Triệu chứng	N	%
Sốt	20	28,57
Rối loạn tiêu hóa	9	12,85
Thận to	16	22,86
Phù	3	4,28

Kết quả xét nghiệm nước tiểu

Chỉ số	N	%
Hồng cầu +	12	17,14%
Bạch cầu +->+++	15	21,14%
Nitrit	10	14,28%
Cấy nước tiểu	3	4,29%

- 15 bệnh nhi có bạch cầu dương tính, trong 15 bệnh nhi này chúng tôi tiến hành cấy nước tiểu có 3 bệnh nhi bắt được vi khuẩn (2 *Klebsiella pneumoniae* và 1 *E.coli*).

Tỉ lệ nhiễm khuẩn tiết niệu với các loại dị tật bẩm sinh thận-niệu quản

Loại dị tật	Nhiễm trùng tiết niệu	
	n	%
Hẹp khúc nối BT-NQ	7/34	20,6%
Phình to niệu quản	3/6	50%
Thận niệu quản đôi + túi sa niệu quản	5/8	62,5%
Giảm sản thận	0	0
Loạn sản thận	0	0
Nang thận	0	0
Bất sản thận một bên	0	0

Thận niệu quản đôi + túi sa niệu quản có 5/8 bệnh nhi chiếm 62,5%

Ahmed S và cs (1992) TNQĐ là 86%, Trần Thị Mai Hồng (2000) 77,5%

Kết quả chẩn đoán dị tật thận - niệu quản sau sinh

Loại dị tật	n	%
Thận	23	26,43%
Niệu quản	55	63,2%
Thận+niệu quản	9	10,37 %
Tổng	87	100%

Phân bố các loại dị tật thận - niệu quản sau sinh

Các dị tật	n	%
Hẹp khúc nối bể thận-niệu quản	43	49,43%
Phình to niệu quản	7	8,04%
Túi sa niệu quản	5	5,75%
Thận niệu quản đôi	9	10,34%
Giảm sản thận	2	2,30%
Loạn sản thận	7	8,04%
Nang thận	10	11,49%
Bất sản 1 thận	4	4,6%
Tổng	87	100%

- Nguyễn Việt Hoa và Trần Ngọc Bích (2013) Hẹp khúc nối BT-NQ 55,69%
- Nguyễn Khoa Hùng và cs (2014) 58,5%, Lim DJ và cs(2003) 65,6%

Đối chiếu chẩn đoán dị tật ở thận - niệu quản

Dị tật ở thận-niệu quản	Chẩn đoán trước sinh		Chẩn đoán sau sinh	
	n	%	n	%
Thận	87	87%	23	26,44%
Niệu quản	8	8%	55	63,2%
Thận+niệu quản	5	5%	9	10,36%
Tổng số	100	100%	87	100%

ĐỐI CHIẾU CHẨN ĐOÁN LOẠI DỊ TẬT THẬN - NIỆU QUẢN SAU VÀ TRƯỚC SINH

Loại dị tật \ Chẩn đoán	Chẩn đoán trước sinh	Chẩn đoán sau sinh	Tỉ lệ CĐ Đúng so với TS
Hẹp khúc nối bể thận-niệu quản	65	43	66,15%
Phình to niệu quản	4	7	57,14%
Túi sa niệu quản	4	5	80%
Thận niệu quản đôi	5	9	55,55%
Giảm sản thận	0	2	0
Loạn sản thận	7	7	100%
Nang thận	11	10	90,09%
Bất sản 1 thận	4	4	100%
Tổng	100	87	

Số bệnh nhi dị tật thận- niệu quản được điều trị ngoại khoa trong thời gian theo dõi

TÊN BỆNH	N	Thời gian		
		≤ 1 tháng	2-12 tháng	13-18 tháng
Hẹp khúc nối BT- NQ	7	2	4	1
TNQĐ+Túi sa niệu quản	6	1	3	2
Phình to niệu quản	4	1	2	1
Loạn sản thận	1	0	0	1
Nang thận	1	0	1	0
Tổng	19	4	10	5

Điều trị ngoại khoa 19/70 bệnh nhi chiếm 27,14%

Koff SA (2000) 22%

KẾT LUẬN

Trong nghiên cứu của chúng tôi, tỷ lệ dị tật thận-niệu quản chiếm tỷ lệ 0,2% trong tổng số trẻ sơ sinh được sinh ra trong thời gian nghiên cứu. Trong số những dị tật đó, hẹp khúc nối bể thận hiệu quản là bất thường hay gặp nhất.

Siêu âm là phương pháp có hiệu quả cao trong chẩn đoán sớm các bất thường của thai nhi trong đó có dị tật thận-tiết niệu. Đối chiếu kết quả chẩn đoán trước và sau sinh về các dị tật thận-tiết niệu thì tỷ lệ chẩn đoán đúng của siêu âm là 87%.



Em xin trân trọng cảm ơn!